TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2024/HS-PT
Ngày 10 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Xuân Lượng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 992/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Hà Trung H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Hà Trung H**, sinh năm 1991 tại thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Số 02 Đường số 6, khu dân cư Metro, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quang Hường và bà Trần Thị Hà; Có vợ tên Nguyễn Thị Trúc Ly (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo đang chấp hành án Bản án phúc thẩm số 574/2022/HS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phạt 15 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Hồ Hoài Nhân, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trường Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bị hại: Chị Võ Thị H[1], sinh năm 1979 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Quảng Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Võ Thị H[1]: Luật sư Trịnh Bá Thân, Trưởng Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Phúc Lê D (Tên khác: B), sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 60A, Tổ 21, ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

Nơi ở hiện nay: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Anh Lê Đình N, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Nơi cư trú: Số 19, Đường số 2, Khu tái định cư Thới Nhựt 2, Khu vực 1, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;

Chổ ở hiện nay: Số 97/59/5 Đường số 48, Khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người làm chứng:

- Anh Phạm Hồng Đ, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 62 Lý Thường Kiệt, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Chị Lê Thị Ngọc H[2], sinh năm 1978 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Văn Thảnh, Khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Lê Đình N quen biết Vũ Hà Trung H. Vào tháng 7/2020 N nhờ H giới thiệu để N vay 200.000.000 đồng thì ngày 10/7/2020 H báo cho N biết đã tìm được người cho vay, nhưng phải làm hợp đồng ủy quyền cho bị cáo thay N chuyển nhượng Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 59, diện tích 6.052,4 m^2 tọa lạc khóm Đông Bình, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do N đứng tên *(Viết tắt là Thửa đất số 21)*. Trong thời gian này thì N và H đều biết thửa đất này đang có tranh chấp và Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đang thụ lý giải quyết. Ngày 10/7/2020, N làm hợp đồng ủy quyền và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho H giữ, còn H đưa cho N 100.000.000 đồng.

Đầu năm 2020 tình hình dịch Covid phức tạp, bị cáo mượn nợ nhiều người mà không có khả năng thanh toán nợ nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền. H nhờ Nguyễn Phúc Lê D tìm người để bán hoặc thế chấp Thửa đất số 21 nêu trên. Phạm Hồng Đ có quen biết với D, nên Đ biết được nhu cầu bán hoặc thế chấp Thửa đất số 21 nêu trên.

Tháng 5 năm 2020, do quen biết nhau nên Đ cho chị Võ Thị H^1 biết việc trên thì H^1 đồng ý cho vay tiền và cùng với Đ đến Vĩnh Long gặp D dẫn đi xem đất. Ngày 23/7/2020, H^1 cùng Đ và D đến Phòng công chứng số 2 ở phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh ký Hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 21 với giá 1.800.000.000 đồng, nhưng thực chất là chị H^1 cho D vay 1.400.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. H^1 đưa tiền mặt và chuyển khoản cho Đ tổng cộng 1.330.000.000 đồng (trừ tiền lãi tháng đầu 70.000.000 đồng) và Đ đưa tiền lại cho D.

Ngày 30/7/2020, H^1 ủy quyền cho Nguyễn Phúc T thực hiện thủ tục sang tên Thửa đất số 21 từ N qua cho H^1. Khoảng 01 tháng sau thì T nói với H^1 là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bình Minh đang bị thanh tra nên chưa thực hiện được. H^1 trực tiếp liên hệ thì được biết Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đang thụ lý giải quyết tranh chấp Thửa đất số 21 nên H^1 nhiều lần yêu cầu Đ, T, D trả lại tiền nhưng vẫn không trả, nên H^1 tố giác đến Công an tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình điều tra đã xác định: Bị cáo H thừa nhận có nhận 800.000.000 đồng từ D, đồng ý sẽ bồi hoàn tiền cho H^1 nhưng hiện chưa có tiền nên sẽ bồi thường khi chấp hành án xong.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKSVL-P1 ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Vũ Hà Trung H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015;

Đối với Nguyễn Phúc Lê D là người trung gian giới thiệu việc vay mượn tiền giữa H^1 với H, nhưng D không biết tình trạng đất đang có tranh chấp. D có nhận tiền hoa hồng do H cho là 30.000.000 đồng nên chưa đủ chứng cứ để xử lý D đồng phạm với bị cáo H.

Đối với Lê Đình N có nói cho H biết Thửa đất số 21 đang có tranh chấp, đã bị Chi cục Thi hành án kê biên 2.507,6 m^2/6.052,4 m^2 nên diện tích còn lại vẫn còn là của N. N ủy quyền cho H là nhằm để H vay tiền cho N và N không biết mục đích gian dối của H nên không đồng phạm với H.

Đối với Phạm Hồng Đ có giới thiệu cho H^1 biết D và cho H vay tiền. Đ đã chuyển khoản và giao cho D toàn bộ số tiền nhận được từ H^1, Đ không có hưởng lợi gì nên không đề cập xử lý.

Đối với Công chứng viên Lê Thị Ngọc H^2 thực hiện công chứng khi có đầy đủ giấy tờ và không biết đất đang có tranh chấp nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Phúc T do chưa làm việc được nên sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Hà Trung H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Hà Trung H 14 *(Mười bốn)* năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 15 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* tại Bản án hình sự phúc thẩm số 574/2022/HS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 29 *(Hai mươi chín)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2023, bị cáo Vũ Hà Trung H có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 10/11/2023, anh Nguyễn Phúc Lê D có đơn kháng cáo phần trách nhiệm dân sự. Ngày 25/4/2024, anh Nguyễn Phúc Lê D có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo số 17/2024/TB-HS ngày 13/5/2024 về việc rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Vũ Hà Trung H kháng cáo kêu oan vì đây chỉ là quan hệ dân sự. Bị cáo chỉ nhận của D 300.000.000 đồng chứ không phải là 800.000.000 đồng. Đề nghị xem xét bị cáo vẫn đồng ý chịu trách nhiệm trả cho chị H[1] 800.000.000 đồng, yêu cầu anh N trả cho bị cáo 100.000.000 đồng để bị cáo dùng số tiền này trả cho chị H[1], vì Thửa đất 21 chỉ bị kê biên 2.507,6 m^2/6.052,4 m2 nên anh N vẫn còn quyền đối với diện tích đất không bị kê biên, anh N ủy quyền cho bị cáo bán hoặc cầm cố đất, nên việc bị cáo cầm cố, bán đất cho chị H[1] là quan hệ dân sự, vì vậy bị cáo không có tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo H không biết Thửa đất số 21 đang bị kê biên và khi giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Phòng công chứng cũng không bị ngăn chặn, nên bị cáo không phạm tội. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Bị hại chị Võ Thị H[1] trình bày nếu chị biết Thửa đất số 21 đang có tranh chấp, đang bị kê biên thì chị sẽ không mua hay nhận cầm cố đất. Anh N biết rõ đất bị kê biên mà vẫn cố tình ủy quyền cho bị cáo bán, cầm cố đất nên

mới xảy ra sự việc, vì vậy anh N phải là người chịu trách nhiệm đầu tiên. Yêu cầu buộc anh N liên đới trách nhiệm với bị cáo hoàn trả tiền lại cho chị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị xem xét vì bị hại không hiểu pháp luật và phải chăm sóc cha mẹ ốm nên đã không có đơn kháng cáo. Mấu chốt của vụ án là do anh N làm giấy ủy quyền cho bị cáo được cầm cố, chuyển nhượng Thửa đất số 21 trong khi trước đó anh N cũng đã ủy quyền cho ông V ở Cần Thơ nhưng chưa chấm dứt việc ủy quyền cho ông V, nên anh N cũng có lỗi. Đề nghị buộc anh N liên đới trách nhiệm với bị cáo hoàn trả tiền lại cho chị H[1].

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm; Về nội dung Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Vũ Hà Trung H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và quyết định hình phạt đối với bị cáo H là tương xứng. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Hà Trung H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phúc Lê D đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Phúc Lê D.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Phúc Lê D, Lê Đình N và người làm chứng Phạm Hồng Đ, Lê Thị Ngọc H[2] vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2023 (bút lục 236 đến 240), bị cáo H đã khai:*"Vì tôi cần tiền để giải quyết công việc nên tôi có kêu người bán ... Tôi biết rõ thửa đất trên của N đang bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long kê biên ... Tôi không có nói cho chị H[1] biết việc thửa đất đang bị kê biên ... Tôi nhận thức việc bán thửa đất này cho chị H[1] là sai ... Sau khi nhận được số tiền 800.000.000 đồng từ tiền bán đất cho chị H[1] tôi đã trả nợ cho nhiều người ... Mục đích tôi yêu cầu N lập hợp đồng ủy quyền cho tôi được phép thay N mua bán, quản lý thửa đất nêu trên để tôi đủ điều kiện ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất này cho người khác".* Như

vậy ngay từ ban đầu bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt, biết rõ thửa đất đang có tranh chấp và bị kê biên nhưng bị cáo không nói cho chị H[1] biết, làm cho chị H[1] tin tưởng, chấp nhận việc ký hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 21, giao tiền cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, Biên bản đối chất, Sổ phụ và bảng sao kê tài khoản của Ngân hàng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Vào tháng 7 năm 2020, anh Lê Đình N nhờ bị cáo Vũ Hà Trung H vay 200.000.000 đồng thì bị cáo yêu cầu anh N làm giấy ủy quyền cho bị cáo được quyền thay mặt anh N ký kết hợp đồng chuyển nhượng, nhận tiền chuyển nhượng thửa đất trên, đồng thời đã giao cho bị cáo bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng Thửa đất số 21, diện tích 6.052,4 m^2. Tại thời điểm này, cả anh N và bị cáo đều biết rõ Thửa đất số 21 đang có tranh chấp và đang bị kê biên diện tích 2.507,6 m^2/6.052,4 m^2. Lợi dụng vào việc này, bị cáo Vũ Hà Trung H nhờ anh Nguyễn Phúc Lê D tìm người để bán hoặc thế chấp Thửa đất số 21 bị cáo chiếm đoạt tiền. Thông qua người môi giới Phạm Hồng Đ, bị hại Võ Thị H[1] đã cùng với bị cáo H ký hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 21 và chị H[1] đã giao tiền cho Đ, Đ giao lại cho D 1.350.000.000 đồng (bút lục 297), D giao cho bị cáo H 800.000.000 đồng (bút lục số 299), còn lại số tiền 550.000.000 đồng bị cáo không thừa nhận, D khai đã giao cho bị cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Vũ Hà Trung H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo và lời bào chữa của luật sư.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Để có tiền trả nợ và sử dụng cho bản thân, bị cáo đã không nói cho bị hại biết Thửa đất số 21 đang có tranh chấp và bị kê biên một phần diện tích, làm cho bị hại tin tưởng ký hợp đồng chuyển nhượng đất và giao tiền cho bị cáo chiếm đoạt 800.000.000 đồng sử dụng cá nhân. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã xử phạt bị cáo 14 năm tù là mức thấp của khung hình phạt quy định phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân là tương xứng.

[4] Đối với hành vi của các cá nhân: Nguyễn Phúc Lê D, Lê Đình N, Phạm Hồng Đ, Lê Thị Ngọc H[2] đã được cơ quan điều làm rõ, đã đề cập trong bản kết luận điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã kết luận không đủ cơ cở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này; Đồng thời, người bị hại Võ Thị H[1] có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/10/2023 nhưng không có kháng cáo, theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì các vấn đề bị hại và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đặt ra tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đều không thuộc phạm vi

xét xử phúc thẩm, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết.

[5] Từ các phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hà Trung H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Bị cáo Vũ Hà Trung H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã xác định anh Nguyễn Phúc Lê D không đồng phạm với bị cáo, nhưng lại buộc anh D liên đới trách nhiệm với bị cáo hoàn trả tiền cho bị hại là không đúng quy định tại Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị phần này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo quy định của pháp luật.

Việc bị cáo giao cho anh Lê Đình N 100.000.000 đồng là quan hệ dân sự, bị cáo có quyền khởi kiện anh N trong vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phúc Lê D;

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hà Trung H; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vũ Hà Trung H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Vũ Hà Trung H 14 *(Mười bốn)* năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 15 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* tại Bản án hình sự phúc thẩm số 574/2022/HS-PT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Vũ Hà Trung H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 *(Hai mươi chín)* năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

4. Buộc bị cáo Vũ Hà Trung H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long; (Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long tống đạt cho bị cáo);
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, VP, NTHN (23b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công